

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2025/DS-PT
Ngày 28-02-2025
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Hợp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 713/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: G đường số A, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm 1965; địa chỉ: E, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Mai Hoàng T, sinh năm 1997; địa chỉ: Quốc lộ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Hợp đồng ủy quyền ngày 26/12/2024), có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Thanh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ và ông Trần Thanh D là bạn bè quen biết nhau, ông Đ nhiều lần cho ông D vay tiền. Ngày 18/01/2022, ông D cần tiền xử lý công việc nên có hỏi mượn ông Đ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông D vay tiền nhưng người cho vay không đồng ý vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ đứng tên. Do đó, ông Đ phải trực tiếp đi cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 800.000.000 đồng sau đó chuyển vào tài khoản của ông D 2 lần, một lần 400.000.000 đồng, một lần 350.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng giao tiền mặt cho ông D. Ông Đ và ông D thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 18/01/2022, thời hạn vay là 03 tháng. Hai bên có lập giấy “Biên nhận nợ” ngày 18/01/2022. Đến ngày 18/12/2022 ông D không có tiền trả cho ông Đ nên có đề nghị ông Đ sửa lại Biên nhận nợ, ghi thành ngày 18/12/2022 nhưng sau đó ông D không trả tiền cho ông Đ; ông Đ nhiều lần liên hệ nhưng ông D tránh mặt. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Trần Thanh D trả lại số tiền 800.000.000 đồng và tiền lãi 1,6%/tháng tính từ ngày 18/12/2022 đến ngày 18/9/2024 là 21 tháng số tiền là 268.800.000 đồng; tổng cộng là 1.068.800.000 đồng. Trường hợp ông Trần Thanh D không thanh toán thì tiếp tục phải trả tiền lãi với lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền nợ và thời gian chậm thanh toán.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy Biên nhận nợ ghi ngày 18/12/2022.

Bị đơn ông Trần Thanh D do ông Phạm Võ Anh T1 đại diện trình bày:

Ông Trần Thanh D thừa nhận có vay tiền của ông Đ và có ghi dòng chữ “Đã nhận đủ tiền” và ký tên, ghi họ tên trên giấy Biên nhận nợ ngày 18/12/2022. Tuy nhiên, ông D cho biết trên giấy Biên nhận nợ lúc đầu không ghi ngày tháng, ông Đ sau đó đã sửa chữa về ngày tháng, cụ thể viết thêm dòng thứ 2 “Ngày 18 tháng 12/2022” và sửa tại dòng thứ 13 từ ngày 18/01/2022 thành 18/12/2022. Ông D trình bày, vào ngày 18/01/2022 ông Đ có cho ông D vay số tiền 800.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản làm 2 lần trong ngày 18/01/2022, lần đầu chuyển 400.000.000 đồng và lần thứ 2 chuyển 350.000.000 đồng, tổng cộng là 750.000.000 đồng; ông Đ trừ lãi trước 50.000.000 đồng nên chỉ chuyển cho ông D 750.000.000 đồng. Số tiền này ông D cho biết ông D đã trả cho ông Đ nhiều lần hiện không còn nợ ông Đ nữa, nay ông Đ yêu cầu như nêu trên, ông D không chấp nhận; Bị đơn đề nghị cho thêm thời gian để tìm và cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Chứng cứ bị đơn cung cấp là bản phô tô sao kê tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Văn Đ tại Ngân hàng TMCP V.

Bản án sơ thẩm số 122/2023/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn ông Trần Thanh D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Thanh D phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 800.000.000 đồng và tiền lãi 268.800.000 đồng, tổng cộng 1.068.800.000 đồng.

Kể từ ngày 19/9/2024 đến ngày thanh toán xong, nếu ông Trần Thanh D chậm thanh toán thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị, quy định về thi hành án.

Ngày 01/10/2024, bị đơn ông Trần Thanh D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến nguyên đơn: Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày giữa hai bên có thỏa thuận vay mượn tiền vào ngày 18/01/2022. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn dưới hình thức chuyển tiền vào tài khoản, sau khi nhận tiền bị đơn có ký, viết tên và ghi dòng chữ “Đã nhận đủ tiền” trên Biên nhận nợ do nguyên đơn viết. Như vậy, đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng đã thanh toán xong cả gốc và lãi vay nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Việc bị đơn đề nghị cấp sơ thẩm cho thêm thời gian để tìm và cung cấp chứng cứ là nhằm mục đích kéo dài thời gian, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Bởi vì từ khi thụ lý vụ án (ngày 10/6/2024 đến ngày xét xử là ngày 18/9/2024), Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không cung cấp được chứng cứ gì cho Tòa án nên bị đơn phải chịu hậu quả về việc không cung cấp chứng cứ của mình. Về nội dung sửa chữa trong thỏa thuận vay ngày 18/01/2022 của nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của bị đơn và việc sửa chữa này có lợi cho bị đơn do ít hơn thời gian bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã vay là đúng với quy định tại các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy, mức lãi suất thỏa thuận trên “Biên nhận nợ” do các bên tự nguyện thỏa thuận không trái quy định của pháp luật. Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền từ ngày 18/01/2022 nhưng chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày 18/12/2022 là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc thanh toán tiền lãi 268.800.000

đồng là có căn cứ, đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 122/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn vì cho rằng chỉ vay 750.000.000 đồng ngày 18/01/2022 và đã trả xong số nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo mà cho rằng ông D vay 800.000.000 đồng, trong đó ông Đ chuyển khoản qua ngân hàng 750.000.000 đồng và giao thêm 50.000.000 đồng bằng tiền mặt, hai bên mới ký thỏa thuận vay mượn tiền ngày 18/12/2022.

Xét bị đơn thừa nhận có ký, viết tên và ghi dòng chữ “Đã nhận đủ tiền” trên “Biên nhận nợ” vào ngày 18/12/2022 với nội dung ông Đ cho ông D vay 800.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng. Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày hai bên thỏa thuận vay tiền vào ngày 18/01/2022 nhưng đến khi quá hạn, bị đơn không có tiền trả nên đến ngày 18/12/2022 bị đơn đề nghị nguyên đơn gia hạn thêm 03 tháng và sửa lại ngày tháng trên giấy “Biên nhận nợ” thành ngày 18/12/2022.

Bị đơn có yêu cầu giám định tờ “Biên nhận nợ” do cho rằng nguyên đơn có viết thêm dòng chữ “Ngày 18 tháng 12/2022” tại dòng thứ 2 và sửa số “01” thành số “12” tại dòng thứ 13 của Biên nhận nợ. Theo Kết luận giám định số 5242/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận dòng chữ “Ngày 18 tháng 12/2022” tại dòng thứ 2 được điền thêm và số “12” tại dòng thứ 13 của Biên nhận nợ bị tẩy xóa, số “1” được điền thêm; nội dung nguyên thủy “...2”, vị trí dấu ... trước số 2 không đọc được nội dung. Vì vậy, các bên thừa nhận không chỉnh sửa tại vị trí số tiền vay 800.000.000 đồng nên bị đơn kháng cáo cho rằng ông D chỉ vay ông Đ 750.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với nội dung viết thêm ngày vay, sửa chữa về ngày tháng trả nợ là không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của bị đơn và việc sửa chữa này có lợi cho bị đơn do rút ngắn thời gian bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo cho rằng từ ngày 18/01/2022 đến cuối năm 2022 đã trả nợ xong cho nguyên đơn bằng hình thức ông D nộp tiền mặt vô ngân hàng để trả xong số nợ cho ông Đ nhưng chứng từ nộp tiền do thời gian đã lâu nên ông không còn lưu giữ nên không cung cấp cho Tòa án được.

Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vì cho rằng hai bên làm ăn với nhau từ lâu, ông D vay tiền ông Đ nhiều khoản vay khác nhau nhưng khoản vay 800.000.000 đồng ông D hoàn toàn không thanh toán nợ gốc, lãi đồng nào.

Xét bị đơn kháng cáo cho rằng đã trả xong số nợ cho ông Đ nhưng trong suốt quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm không trình bày được đã trả số nợ trên vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu, không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả nợ, không có đơn yêu cầu thu thập chứng cứ nên không có căn cứ chấp nhận cho kháng cáo của bị đơn.

[3] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh D về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2023/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn ông Trần Thanh D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Thanh D phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 800.000.000 đồng và tiền lãi 268.800.000 đồng, tổng cộng 1.068.800.000 đồng.

Kể từ ngày 19/9/2024 đến ngày thanh toán xong, nếu ông Trần Thanh D chậm thanh toán thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh D phải chịu 44.064.000 (bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thanh D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002948 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp;
Tòa Kinh tế.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Dũng